

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 05/2021/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp
nhất Quý 4/2020.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.2020 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2020

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/01/2021 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ THỊ THANH LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN HÀ SÀI GÒN**

Số: 07.../ GTTHSH /CV
V/v "giải trình chênh lệch về
số liệu BCTC hợp Nhất Quý IV
năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

TP.HCM ngày 29 tháng 01 năm 2021



**Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2020, chúng tôi xin được giải trình một số các biến động so với báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2019 như sau:

Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý IV năm 2020 so với Quý IV năm 2019 :

- ➔ **Doanh thu thuần** Doanh thu thuần giảm 0.6% tương đương 1.6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do quý IV năm nay do doanh số Công ty con Chu Lai tăng trưởng tốt nhưng doanh thu Công ty mẹ giảm.
- ➔ **Giá vốn:** Doanh thu thuần giảm dẫn đến giá vốn hàng bán giảm tương ứng 1% tương đương với 2.45 tỷ đồng. Tỷ lệ giảm của giá vốn cao hơn tỷ lệ giảm của doanh thu thuần là do giá thành, giá vốn thành phẩm, hàng hóa kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước.
- ➔ **Lợi nhuận gộp :** Với tỷ lệ tăng doanh thu và giá vốn như trên thì lợi nhuận gộp tăng 2% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 808 triệu đồng.
- ➔ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng 205 triệu đồng so với cùng kỳ năm ngoái do tiền chiết khấu thanh toán Công ty nhận được từ nhà cung cấp.
- ➔ **Chi phí tài chính** Chi phí tài chính tăng 3.5% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 234 triệu đồng nguyên nhân do vay thanh toán cho một số nhà cung cấp.
- ➔ **Chi phí bán hàng:** Tăng 6.2% tương đương 994 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương nhân viên tăng.
- ➔ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 9.8% tương đương 512 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước do chi phí khấu hao và chi phí nhân viên quản lý tăng.
- ➔ **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế:** Do các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế trong kỳ giảm 5.5% tương đương 727 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

- ➔ **Lợi nhuận khác:** Giảm 1 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do kỳ này lỗ từ thanh lý tài sản cố định.
- ➔ **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :** Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế Quý IV/2020 giảm so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ 11.4% tương ứng 1.36 tỷ đồng.

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu biến động trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2020 của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		706,775,962,759	618,552,567,535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	122,415,204,578	62,232,700,634
1. Tiền	111		122,415,204,578	62,232,700,634
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306,865,583,896	267,632,658,862
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	306,202,365,820	263,180,426,221
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		153,818,105	3,740,752,141
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,652,586,448	2,441,984,965
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2,148,126,478)	(1,735,444,466)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
IV. Hàng tồn kho	140		272,729,907,435	286,342,753,566
1. Hàng tồn kho	141	V.6	272,729,907,435	286,342,753,566
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,765,266,850	2,344,454,473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,111,004,293	1,677,460,456
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,211,167,712	444,090,440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		443,094,845	222,903,577
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181,521,829,011	188,895,589,990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		545,046,684	408,460,684
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	545,046,684	408,460,684
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		140,641,381,480	137,370,772,239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	91,409,203,989	88,136,435,397
<i>Nguyên giá</i>	222		166,783,705,041	153,812,387,405
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75,374,501,052)	(65,675,952,008)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	4,490,750,032	3,310,476,190
<i>Nguyên giá</i>	225		5,254,881,818	3,520,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(764,131,786)	(209,523,810)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	44,741,427,459	45,923,860,652
<i>Nguyên giá</i>	228		55,124,134,444	55,056,680,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10,382,706,985)	(9,132,819,792)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31,302,791,241	45,701,548,246
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	31,302,791,241	45,701,548,246
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9,032,609,606	5,414,808,821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	8,487,854,388	5,333,644,624
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	544,755,218	81,164,197
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		888,297,791,770	807,448,157,525

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		504,943,694,088	439,989,180,097
I. Nợ ngắn hạn	310		495,181,289,248	429,777,906,658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	60,221,560,435	33,286,782,027
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5,408,381,473	3,234,173,683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2,474,413,224	3,376,985,730
4. Phải trả người lao động	314		11,921,679,760	6,685,060,751
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11,094,666,183	6,650,543,186
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	413,701,648	276,236,326
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	401,616,860,693	374,546,646,501
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2,030,025,832	1,721,478,454
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9,762,404,840	10,211,273,439
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	291,919,000	299,738,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	9,470,485,840	9,911,535,439
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		383,354,097,682	367,458,977,428
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.a	383,354,097,682	367,458,977,428
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		318,539,760,000	303,371,200,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	318,539,760,000	303,371,200,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12,175,510,997	10,324,226,729
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52,888,826,685	54,013,550,699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27,308,023,053	23,158,812,897
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25,580,803,632	30,854,737,802
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		888,297,791,770	807,448,157,525

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: VND)

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Năm nay / Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	294,058,833,294	294,484,537,340	973,817,369,923 / 901,397,925,107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10,788,609,603	9,567,972,755	43,180,942,872 / 37,364,375,347
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		283,270,223,691	284,916,564,585	930,636,427,051 / 864,033,549,760
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	242,047,865,888	244,502,921,096	788,761,272,060 / 729,974,679,519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41,222,357,803	40,413,643,489	141,875,154,991 / 134,058,870,241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	940,694,428	735,116,750	3,067,945,465 / 2,876,460,700
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,883,467,102	6,648,686,026	26,308,232,035 / 25,593,722,900
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,766,766,688	6,546,354,500	25,753,403,830 / 25,281,119,974
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17,093,838,837	16,099,409,150	64,456,886,952 / 56,508,994,781
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5,725,899,418	5,213,218,374	24,908,169,972 / 20,919,526,085
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,459,846,874	13,187,446,689	29,269,811,497 / 33,913,087,175
11. Thu nhập khác	31	VI.7	352,465,464	(2,028,106,126)	1,301,237,306 / 2,045,755,255
12. Chi phí khác	32	VI.8	933,199,524	(2,463,302,239)	1,698,360,274 / 172,864,837
13. Lợi nhuận khác	40		(580,734,060)	435,196,113	(397,122,968) / 1,872,890,418
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,879,112,814	13,622,642,802	28,872,688,529 / 35,785,977,593
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,200,267,707	1,762,809,934	3,755,475,918 / 5,009,233,398
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		138,275,750	(42,295,979)	(463,591,021) / (77,993,607)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10,540,569,357	11,902,128,847	25,580,803,632	30,854,737,802
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	10,540,569,357	11,902,128,847	25,580,803,632	30,854,737,802
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	347	426	841	1,103
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	347	426	841	1,103

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Lập: ngày 28 tháng 01 năm 2021

CÔNG CHỨC TỊCH HĐQT



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28,872,688,529	35,785,977,593
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		9,837,600,046	13,806,187,940
- Các khoản dự phòng	03		412,682,012	24,337,716
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,622,172,147	(178,340,565)
- Chi phí lãi vay	06		19,677,785,856	25,367,301,469
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60,422,928,590	74,802,388,392
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		948,647,702	(38,285,425,341)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		14,506,008,770	2,770,125,012
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		3,530,022,207	9,404,044,644
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(4,040,179,919)	(2,720,715,946)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,488,258,002)	(25,031,377,683)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2,089,575,882)	(4,517,367,516)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53,789,593,466	16,421,671,562
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20,171,337,311)	(15,183,786,884)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		477,000,000	2,841,670,699
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		103,660,387	116,068,177
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19,590,676,924)	(12,226,048,008)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	: từ đầu năm đến cuối : từ đầu năm đến cuối	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	612,903,846,377	781,098,471,623
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(577,325,245,143)	(738,520,823,247)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.18	(627,373,135)	(298,211,929)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,967,640,697)	(14,035,422,302)
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25,983,587,402	28,244,014,145
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	60,182,503,944	32,439,637,699
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	62,232,700,634	29,793,062,935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	122,415,204,578	62,232,700,634

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình

Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà

Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà

Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài

Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài

Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Số 81, Quốc lộ 1A, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

Lô 02 - B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cuor Đăng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|---|--|
| - Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017 | Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |
| - Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018 | Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận. |
| - Chi nhánh Buôn Mê Thuật - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020 | 18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019 | Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021 | Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước. |
| - Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023 | 93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. |
| - Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025 | Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh. |
| - Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024 | Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp |
| - Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026 | Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau |
| - Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028 | Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN. |
| - Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029 | Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. |
| - Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027 | Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu |
| - Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030 | Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam. |
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty có 300 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 299 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

14. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6,786,359,739	3,058,232,832
Tiền gửi ngân hàng	115,628,844,839	59,174,467,802
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
Cộng	122,415,204,578	62,232,700,634

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
Cộng				

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	7,981,283,647	17,938,339,729
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	42,487,859,502	262,700,002

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	57,766,699,506	
- Công Ty TNHH Sản Xuất - TM - DV Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	10,595,088,410	307,762,796
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216	888,395,216
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2,712,640,437	3,396,046,257
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	41,908,664,490	
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617,175,249	4,845,675,249
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	15,826,030,647	92,225,953,848
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,712,402,125	2,676,711,125
Cty TNHH TMDV và PT Hưng Thịnh	50,004,326,318	77,129,529,297
- Các Khách hàng khác	71,879,088,740	62,686,601,169
Cộng	306,202,365,820	263,180,426,221

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617,175,249	4,845,675,249
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	7,981,283,647	17,938,339,729
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,712,402,125	2,676,711,125
Cộng	11,310,861,021	25,460,726,103

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
- Phải thu người lao động	1,130,409,375	1,676,808,726
- Ký cược, ký quỹ	123,439,316	139,502,112
- Bảo hiểm xã hội	130,427,719	136,445,509
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,268,310,038	489,228,618
Cộng	2,652,586,448	2,441,984,965
Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	545,046,684	408,460,684
Cộng	545,046,684	408,460,684
Tổng Cộng	3,197,633,132	2,850,445,649

5. Nợ xấu

	<u>Nợ gốc</u>	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Giá trị có thể thu</u> <u>hồi</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu</u> <u>hồi</u>
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,534		822,711,534	
Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216		888,395,216	
Đồng Nai - Đại Lý Thiên Bảo	7,489,715		4,493,829	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

An Giang - Nguyễn Hồ Vũ	10,876,000	6,525,600
TCN - Nguyễn Thanh Nhã	15,042,501	9,025,500
Tây Ninh - Đại Lý Quang Vinh	3,611,512	4,292,787
Nguyễn Thị Chương	400,000,000	
Cộng	2,148,126,478	1,735,444,466

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	596,911,721	9,501,211,075
Nguyên liệu, vật liệu	121,956,452,448	124,352,607,946
Công cụ, dụng cụ	129,529,839	178,772,433
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5,570,059,469	13,274,647,355
Thành phẩm	49,986,274,026	51,403,770,632
Hàng hóa	94,490,679,932	87,631,744,124
Cộng	272,729,907,435	286,342,753,566

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa		
Cộng		

8. Chi phí trả trước

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trả trước về thuê kho	509,000,000	584,160,000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	94,008,424	266,730,616
- Chi phí bảo hiểm	245,979,990	
- Các khoản khác	1,262,015,879	826,569,840
Cộng	2,111,004,293	1,677,460,456

Dài hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công cụ dụng cụ	543,386,584	1,240,809,943
- Chi phí sửa chữa	669,947,399	341,509,893
- Chi phí mua bảo hiểm	9,001,740	
- Chi phí thuê đất	4,269,840,224	
- Chi phí quảng cáo	340,853,326	17,265,192
- Các khoản khác	2,654,825,115	3,734,059,596
Cộng	8,487,854,388	5,333,644,624

Tổng cộng	10,598,858,681	7,011,105,080
------------------	-----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	60,986,664,077	34,760,935,844	51,797,634,183	6,267,153,301		153,812,387,405
Tăng trong năm		1,244,083,920	2,688,900,000	12,708,313,636		16,641,297,556
- Mua sắm mới		1,244,083,920	2,688,900,000	12,708,313,636		16,641,297,556
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang						
Giảm trong năm		158,811,920	3,511,168,000			3,669,979,920
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		158,811,920	3,511,168,000			3,669,979,920
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	60,986,664,077	35,846,207,844	50,975,366,183	18,975,466,937		166,783,705,041

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	14,046,486,275	24,038,868,919	23,459,933,465	4,130,663,349		65,675,952,008
Tăng trong năm	2,709,867,579	2,588,977,580	5,117,815,790	976,795,911		11,393,456,860
- Khấu hao trong năm	2,709,867,579	2,588,977,580	5,117,815,790	976,795,911		11,393,456,860
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
Giảm trong năm			1,694,907,816			1,694,907,816
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			1,694,907,816			1,694,907,816
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	16,756,353,854	26,627,846,499	26,882,841,439	5,107,459,260		75,374,501,052

Giá trị còn lại

Số đầu năm	46,940,177,802	10,722,066,925	28,337,700,718	2,136,489,952		88,136,435,397
Số cuối kỳ	44,230,310,223	9,218,361,345	24,092,524,744	13,868,007,677		91,409,203,989

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	3,520,000,000			3,520,000,000
Tăng trong năm		1,734,881,818		1,734,881,818
- Thuê tài chính trong năm		1,734,881,818		1,734,881,818
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	3,520,000,000	1,734,881,818		5,254,881,818

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	209,523,810			209,523,810
Tăng trong năm	502,857,144	51,750,832		554,607,976
- Khấu hao trong năm	502,857,144	51,750,832		554,607,976
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	712,380,954	51,750,832		764,131,786

Giá trị còn lại

Số đầu năm	3,310,476,190			3,310,476,190
Số cuối kỳ	2,807,619,046	1,683,130,986		4,490,750,032

11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	54,061,075,444			995,605,000		55,056,680,444
Tăng trong năm				67,454,000		67,454,000
- Mua trong năm				67,454,000		67,454,000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giám khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	<u>54,061,075,444</u>		<u>1,063,059,000</u>	<u>55,124,134,444</u>
------------	-----------------------	--	----------------------	-----------------------

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	8,575,207,980		557,611,812	9,132,819,792
Tăng trong năm	1,118,440,096		131,447,097	1,249,887,193
- Khấu hao trong năm	1,118,440,096		131,447,097	1,249,887,193
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giám khác (ghi cụ thể)				

Số cuối kỳ	<u>9,693,648,076</u>		<u>689,058,909</u>	<u>10,382,706,985</u>
------------	----------------------	--	--------------------	-----------------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	45,485,867,464		437,993,188	45,923,860,652
Số cuối kỳ	<u>44,367,427,368</u>		<u>374,000,091</u>	<u>44,741,427,459</u>

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,076,093,700				31,076,093,700
- XDCB dở dang	14,625,454,546	1,377,354,188	15,776,111,193		226,697,541
	<u>45,701,548,246</u>	<u>1,377,354,188</u>	<u>15,776,111,193</u>		<u>31,302,791,241</u>

13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	6,721,278,808	7,152,337,272
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	260,127,137	133,248,000
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	2,176,307,780	5,924,414,668
- Cty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	7,911,736,059	5,168,685,260
- Công ty TNHH MTV Thiết Bị Nhà bếp Sơn Hà	371,024,126	229,100,047
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	23,567,653,756	8,297,680,058
- Các đối tượng khác	19,213,432,769	6,381,316,722
Cộng	<u>60,221,560,435</u>	<u>33,286,782,027</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	766,459,322	11,752,210,307	11,659,221,947	859,447,682
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		242,991,167	242,991,167	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,011,169,726	3,902,009,850	4,713,192,079	1,199,987,497
Thuế thu nhập cá nhân	599,356,682	816,840,042	1,001,218,679	414,978,045
Cộng	3,376,985,730	16,714,051,366	17,616,623,872	2,474,413,224

15 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trích trước hàng khuyến mãi	7,422,121,472	1,959,895,403
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	3,185,299,177	4,190,081,112
- Chi phí lãi vay phải trả	487,245,534	500,566,671
Cộng	11,094,666,183	6,650,543,186

16 Các khoản phải trả khác

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	136,353,013	84,893,181
Tài sản thừa chờ giải quyết	177,199,481	110,804,490
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		8,500,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Phải trả, phải nộp khác	100,149,154	72,038,655
Cộng	413,701,648	276,236,326
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	291,919,000	299,738,000
Cộng	291,919,000	299,738,000
Tổng Cộng	705,620,648	575,974,326

17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1,721,478,454	308,547,378				2,030,025,832
Quỹ phúc lợi						
Cộng	1,721,478,454	308,547,378				2,030,025,832

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

18. Vay và nợ thuế tài chính

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	401,616,860,693	401,616,860,693	848,837,075,065	821,766,860,873	374,546,646,501	374,546,646,501
Vay ngắn hạn	399,768,371,197	399,768,371,197	846,578,018,106	814,912,205,008	368,102,558,099	368,102,558,099
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn	144,739,830,334	144,739,830,334	267,821,451,785	247,575,057,482	124,493,436,031	124,493,436,031
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	74,532,263,023	74,532,263,023	167,382,154,594	165,793,301,261	72,943,409,690	72,943,409,690
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nh	84,628,786,563	84,628,786,563	129,978,883,467	122,165,103,167	76,815,006,263	76,815,006,263
Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	95,867,491,277	95,867,491,277	281,395,528,260	279,378,743,098	93,850,706,115	93,850,706,115
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1,008,192,400	1,008,192,400	1,008,192,000	5,914,235,370	5,914,235,770	5,914,235,770
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (5)	172,800,000	172,800,000	172,800,000	832,800,000	832,800,000	832,800,000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	400	400		178,933,368	178,933,768	178,933,768
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD 1	835,392,000	835,392,000	835,392,000	1,452,742,000	1,452,742,000	1,452,742,000
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)				3,449,760,002	3,449,760,002	3,449,760,002
Nợ thuế tài chính	840,297,096	840,297,096	1,250,864,959	940,420,495	529,852,632	529,852,632
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (th dưới 1 năm)/Hà Nội	560,828,628	560,828,628	971,396,491	940,420,495	529,852,632	529,852,632
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (th dưới 1 năm) TP HCM	279,468,468	279,468,468	279,468,468			
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	9,470,485,840	9,470,485,840	2,445,380,495	2,886,430,094	9,911,535,439	9,911,535,439
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	7,137,168,000	7,137,168,000		1,008,192,000	8,145,360,000	8,145,360,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nh	28,800,000	28,800,000		172,800,000	201,600,000	201,600,000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)						
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD 1	208,888,000	208,888,000		835,392,000	1,044,280,000	1,044,280,000
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	6,899,480,000	6,899,480,000			6,899,480,000	6,899,480,000
Nợ thuế tài chính (7)	2,333,317,840	2,333,317,840	2,445,380,495	1,878,238,094	1,766,175,439	1,766,175,439
Công ty Thuế Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1,308,600,146	1,308,600,146	1,056,580,495	1,514,155,788	1,766,175,439	1,766,175,439
Công ty Thuế Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM	1,024,717,694	1,024,717,694	1,388,800,000	364,082,306		
	411,087,346,533	411,087,346,533	851,282,455,560	824,653,290,967	342,178,745,493	384,458,181,940

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19 Vốn chủ sở hữu****19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	275,792,000,000	8,175,955,129	(250,000,000)	67,309,929,764	351,027,884,893
Lãi trong năm trước				30,854,737,802	30,854,737,802
Tăng vốn trong kỳ				(44,151,116,867)	(14,423,645,267)
Trích các quỹ trong năm		2,148,271,600		(2,148,271,600)	
Chia cổ tức bằng Cổ Phiếu	27,579,200,000			(27,579,200,000)	
+ Trích lập trả cổ tức 2017 bằng tiền				(13,789,600,000)	(13,789,600,000)
+ Trích lập quỹ khen				(358,045,267)	(358,045,267)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối năm trước	303,371,200,000	10,324,226,729	(250,000,000)	54,013,550,699	367,458,977,428
Số đầu năm Nay	303,371,200,000	10,324,226,729	(250,000,000)	54,013,550,699	367,458,977,428
Tăng vốn trong kỳ					
Lãi trong kỳ				25,580,803,632	25,580,803,632
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	15,168,560,000	1,851,284,268		(26,705,527,646)	(9,685,683,378)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển 2019 (4%)		1,234,189,512		(1,234,189,512)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(308,547,378)	(308,547,378)
+ Chia cổ tức 2019 (3%)				(9,101,136,000)	(9,101,136,000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Quỹ dự phòng tài chính		617,094,756		(617,094,756)	
Chia cổ tức phát hành Cổ Phiếu	15,168,560,000			(15,168,560,000)	
Số dư cuối kỳ	318,539,760,000	12,175,510,997	(250,000,000)	52,888,826,685	383,354,097,682

19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31,853,976	30,337,120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu phổ thông	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31,853,976	30,337,120

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông	31,853,976	30,337,120
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	294,058,833,294	294,484,537,340
- Doanh thu bán hàng hóa	106,746,430,071	133,328,298,939
- Doanh thu bán thành phẩm	187,312,403,223	160,340,393,833
Các khoản giảm trừ doanh thu:	10,788,609,603	9,567,972,755
- Chiết khấu thương mại	8,320,603,372	7,350,802,732
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	2,468,006,231	2,217,170,023
Doanh thu thuần	<u>283,270,223,691</u>	<u>284,916,564,585</u>

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	108,001,929,720	147,019,647,453
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	134,045,936,168	97,451,722,066
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		31,551,577
Cộng	<u>242,047,865,888</u>	<u>244,502,921,096</u>

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	(26,149,823)	20,230,150
Doanh thu hoạt động tài chính khác	966,714,550	714,886,600
...		
Cộng	<u>940,694,428</u>	<u>735,116,750</u>

4 Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	6,766,766,688	6,546,354,500
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116,700,414	102,305,879
Chi phí tài chính khác		25,647
Cộng	<u>6,883,467,102</u>	<u>6,648,686,026</u>

5 Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	10,699,218,392	8,406,286,460
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	719,048,590	814,261,710
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,681,668,469	1,674,849,284

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,163,854,293	2,489,662,801
Chi phí bằng tiền khác	1,830,049,093	2,714,348,895
Cộng	17,093,838,837	16,099,409,150
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,932,223,520	1,718,634,001
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138,981,235	22,799,534
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,918,025,097	2,048,927,593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	955,113,637	1,115,751,786
Chi phí bằng tiền khác	781,555,929	307,105,460
Cộng	5,725,899,418	5,213,218,374
7 Thu nhập khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập cho thuê tài sản	23,850,000	39,860,970
Thu nhập thanh lý tài sản		
Thu nhập khác	328,615,464	(2,067,967,096)
Cộng	352,465,464	(2,028,106,126)
8 Chi phí khác		
	Năm nay	Kỳ trước
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		
Chi phí thanh lý tài sản		
Chi phí khác	933,199,524	(2,463,302,239)
Cộng	933,199,524	(2,463,302,239)

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Cùng Chủ Tịch HĐQT
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	Cùng Chủ Tịch HĐQT
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư LGC Việt Nam	Cùng Chủ Tịch HĐQT

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2020, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Thanh toán tạm ứng		
Ban điều hành		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư LGC Việt Nam		
- Mua tài sản, CCDC	13,823,509,090	
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	128,325,329,269	69,094,443,395
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	946,110,000	16,819,214,307
- Bán tài sản		
- Cho thuê Tài Sản	23,850,000	90,800,000

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng

Chủ tịch HĐQT

Lê Hoàng Hà